**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 22** *(Từ 13.2.2023 – 17.2.2023)*

**Cách ngôn*:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ/**  **Ngày** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn học** | **Tên bài dạy** |
| **Hai**  13*/02/2022* | **Sáng** | 1 | HĐTN | SHDC: Ăn uống lành mạnh (Tiết 1) |
| 2 | Toán | Diện tích của một hình. Xăng-ti-mét vuông (Tiết 1) |
| 3 | Tiếng Việt | Mặt trời xanh của tôi (Tiết 1) |
| 4 | Tiếng Việt | Mặt trời xanh của tôi (Tiết 2) |
| **Chiều** | 1 | Tiếng Việt | Mặt trời xanh của tôi (Tiết 3) |
| 2 | TN&XH | Chăm sóc và bảo vệ cơ quan tiêu hóa (Tiết 1) |
| 3 | Đạo đức | Khám phá bản thân (Tiết 2) |
| **Ba**  *14/02/2022* | **Sáng** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| **Chiều** | 1 | Toán | Diện tích hình vuông, diện tích hình chữ nhật (T1) |
| 2 | Tiếng Việt | Bầy voi rừng Trường Sơn (Tiết 1) |
| 3 | Tiếng Việt | Bầy voi rừng Trường Sơn (Tiết 2) |
| **Tư**  *15/02/2022* | **Sáng** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 | Toán | Diện tích hình vuông, diện tích hình chữ nhật (T2) |
| 4 | L. Toán | Ôn luyện Tuần 22 |
| **Năm**  *16/02/2022* | **Sáng** | 1 | Toán | Diện tích hình vuông, diện tích hình chữ nhật (T2) |
| 2 | Tiếng Việt | Bầy voi rừng Trường Sơn (Tiết 3) |
| 3 | KNS | Kĩ năng phòng tránh tai nạn thương tích( Tiết 1) |
| 4 | HĐTN | HĐGDTCĐ: Ăn sạch |
| **Chiều** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| **Sáu**  *17/02/2022* | **Sáng** | 1 | Toán | Luyện tập chung (Tiết 1) |
| 2 | Tiếng Việt | Bầy voi rừng Trường Sơn (Tiết 4) |
| 3 | ATGT | Bài 3: Đi bộ tại những nơi đường giao nhau ( Tiết 2) |
| 4 |  |  |
| **Chiều** | 1 | L. TV | Ôn luyện Tuần 22 |
| 2 | TN&XH | Chăm sóc và bảo vệ cơ quan tiêu hóa (Tiết 2) |
| 3 | HĐTN | SHL: SHTCĐ: Thực phẩm sạch |

**TUẦN 22**

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 51: DIỆN TÍCH CỦA MỘT HÌNH. XĂNG – TI – MÉT VUÔNG.**

**(TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS năm được đơn vị đo diện tích chuẩn là xăng-ti-met vuông

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy về không gian và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - GV YC HS so sánh diện tích của hai hình mà hình lớn chứa hình bé  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS quan sát và so sánh.  - Lớp nhận xét  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**    a/ GV nêu tình huống: Có hai bạn chim di và chào mào đang tranh cãi xem hình của ai lớn hơn. YC HS thảo luận nhóm đôi và trả lời các câu hỏi:  ? Hình của bạn chim di có mấy ô vuông?  ? Hình của bạn chào mào có mấy ô vuông?  ? Theo em hình của bạn nào lớn hơn?  - Gv KL: Nếu chỉ nhìn bằng mắt thường chúng ta không thể biết được hình của bạn nào lớn hơn. Như vậy là chúng ta cần một đơn vị chung để so sánh diện tích hình của hai bạn. Đơn vị đó là xăng-ti-mét.    - GV giới thiệu về xăng-ti-mét: Gv chiếu ô vuông cạnh 1cm minh họa rồi giới thiệu (nêu lại những ý trong khung màu hồng của SGK)  b/ GV HD HS dùng đơn vị xăng-ti-mét vuông để tính diện tích các hình chữ nhật và hình vuông.    ? Biết Môi ô vuông nhỏ có diện tích là 1 cm2. YC HS tính diện tích hình chữ nhật và hình vuông  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV KL: Diện tích hình chữ nhật là 3 cm2, diện tích hình vuông là 4 cm2. | - HS thực hiện theo yêu cầu trong nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm trả lời  + Hình của bạn chim di có 4 ô vuông  + Hình của bạn chào mào có 6 ô vuông  - HS có thể nêu nhiều ý kiến khác nhau  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe. 3,4 HS đọc lại. HS khác đọc thầm  - HS thực hiện theo YC của Gv  + Diện tích của hình vuông là 4cm2; diện tích của hình chữ nhật là 3cm2  - Hs lắng nghe |
| **3. Hoạt động**  **Bài 1:**    - GV YC HS đọc đề bài  - YC HS làm vở  - Gọi HS trả lời  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV lấy thêm ví dụ về các số đo có cách đọc đặc biệt  **Bài 2:**    - GV YC HS đọc đề bài  - YC HS đếm số ô vuông ròi điền kết quả vào ô trống. Sau đó trao đổi trong nhóm đôi  - Gọi đại diện các nhóm trả lời  ? Để điền được các số vào ô trống em đã làm như thế nào?  ? Em hãy so sánh diện tích hình con sâu và hình con hươu?  - Gv chốt lại đáp án đúng | - Hoàn thành bảng sau theo mẫu  - HS làm việc cá nhân  - HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung  + Hai trăm ba mươi tư xăng-ti-mét vuông: 234 cm2  + Một nghìn năm trăm xăng-ti-mét vuông: 1 500 cm2  + Mười nghìn xăng-ti-mét vuông: 10 000 cm2  - HS lắng nghe  - HS thực hiện theo YC  - 2 HS đọc YC  - HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi trong nhóm đôi  - Đại diện 2-3 nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  a/ Dình con sâu gồm 4 ô vuông 1cm2  + Diện tích hình con sâu bằng 4 cm2  b/ Hình con hươu cao cổ gồm 9 ô vuông 1 cm2  + Diện tích hình con hươu cao cổ bằng 9 cm2  - Em đã đếm số ô vuông 1 cm2  - Diện tích hình con sâu bé hơn diện tích hình con hươu cao cổ |
| **4. Luyện tập**  **Bài 1:**    - GV YC HS đọc đề bài  - YC HS nghiên cứu mẫu trong nhóm đôi để tìm ra cách làm  - Gv có thể giải thích thêm: cô lấy hai hình chữ nhật (có chiều rộng 1 cm, chiều dài 2 cm) và (chiều rộng 1cm, chiều dài 3cm) với diện tích lần lượt là 2cm2 và 3 cm2 rồi ghép thành một hình chữ nhật có chiều rộng 1 cm, chiều dài 5 cm với diện tích 5cm2;....  - YC HS hoàn thành bài tập vào vở  - Gọi HS đọc bài làm  - Gv nhận xét, tuyên dương những bạn hoàn thành nhanh  **Bài 2:**    - GV YCHS đọc đề bài  - YC HS làm bài vào vở  - GV nhận xét, chữa bài giải đúng | - Tính (theo mẫu)  - HS nghiên cứu mẫu và đưa ra cách làm. Nhận xét  - HS lắng nghe và nhắc lại cách làm  - HS hoàn thành vào vở  a/ 37 cm2 + 25 cm2 = 62 cm2  50 cm2 – 12 cm2 = 38 cm2  b/ 15 cm2 x 4 = 60 cm2  56 cm2 : 7 = 8 cm2  - HS nối tiếp đọc bài làm. Nhận xét  - Hs đọc yc  - HS làm việc cá nhân, trao đổi chéo vở kiểm tra. Một HS lên bảng làm bài  Bài giải  Diện tích cánh diều màu đỏ hơn diện tích cánh diều màu vàng là:  900 – 880 = 20 (cm2)  Đáp số: 20cm2  - HS nhận xét |
| **5. Vận dụng.**  - Hôm nay, em đã học những nội dung gì?  - GV tóm tắt nội dung chính.  - Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?  - GV tiếp nhận ý kiến.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS trả lời  - HS lắng nghe và nhắc lại  - HS nêu ý kiến |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

-------------------------------------------------------

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 52: DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG.**

**DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Tính được diện tích hình chữ nhật theo quy tắc đã nêu trong SGK.

- Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến diện tích hình chữ nhật và bài toán giải bằng hai bước tính.

- Phát triển năng lực phát triển tư duy định lượng trong không gian thông qua các tình huống liên quan đến diện tích.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tính:  35 cm2 + 15 cm2 = ? 45 cm2 + 54 cm2 = ?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới:  \* Xây dựng quy tắc tính diện tích hình chữ nhật.  - Slide hình ảnh:    -  - Các ô vuông trong hình chia làm mấy hàng?  - Mỗi hàng có mấy ô vuông? Tính số ô vuông có trong hình.  - Gv chỉ hình giới thiệu : Mỗi ô vuông nhỏ có diện tích là 1cm2  - Mỗi hàng có diện tích là bao nhiêu?  + Tính diện tích của hình chữ nhật trên  + 4 là chiều gì của hình chữ nhật?  + 3 là chiều gì của hình chữ nhật?  - Muốn tính diện tích hình chữ nhật em làm thế nào?  - Nhận xét bạn.  *- HS đọc lại quy tắc trong SGK*  *=> Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng(cùng đơn vị đo)* | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: b/c  - HS lắng nghe.  - ... quan sát  - ... 3 hàng.  - ... 4 ô vuông.  - ... 4 x 3 = 12 (ô vuông) B/c  -... 4cm2  -... 4 x 3 = 12 (cm2)  b/c  - … chiều dài  - ... chiều rộng  - ...lấy chiều dài nhân với chiều rộng.  - Nhận xét.  -... đọc quy tắc SGK  -... lắng nghe. Nhắc lại |
| **2. Luyện tập***:* | |
| **Bài 1. (Làm việc cá nhân) Nêu số đo chiều dài, chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật.**  **-** GV hướng dẫn cho HS nhận biết câu 1.    - Tương tự làm tiếp với HCN AEGD  - Chữa bài, Soi phiếu  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm vở) Diện tích hình chữ nhật ?**  - Thực hiện vào vở.  - Soi, chữa bài.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Tấm gỗ có diện tích là bao nhiêu?  - Nêu cách tính diện tích của tấm gỗ?  *=> Muốn tính diện tích hình chữ nhật em làm thế nào?*  **Bài 3: (Làm việc cá nhân) tính diện tích?**  - GV cho HS làm bài tập vào nháp.  - Quan sát tranh    - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  - Mỗi một ô vuông là bao nhiêu cm2 ?  - Muốn tìm mỗi bạn nhận được miếng sô-cô-la bao nhiêu xăng-ti-mét vuông em làm thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Nêu yêu cầu.  - 1 HS nêu cách điền số vào ô trống .  - HS lần lượt làm vào phiếu bài tập :  + Điền số: Chiều dài HCN BEGC là 4cm .  + Điền số: Chiều rộng HCN BEGC là 3cm .  + Diện tích HCN BEGC là .  4 x 3 = 12 (cm2)  - Nhận xét  - Nêu yêu cầu.  - HS làm vở.  Lời giải  Diện tích tấm gỗ là:  15 x 5 = 75(cm2)  Đáp số: 75cm2  + ... 75cm2  + ... lấy chiều dài là 15cm nhân với chiều rộng là 5cm  + ... lấy chiều dài nhân với chiều rộng cùng đơn vị đo.  - Nêu yêu cầu.  - HS làm nháp.  - ...quan sát  - ...kết quả  + Rô bốt : 6 cm2  + Bu-ra-ti-nô: 8 cm2  +Gà trống: 10 cm2  + Dế: 12 cm2  - ... 1 cm2  - ...đếm số ô.... |
| **3. Vận dụng.** | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nắm được cách tính diện tích của HCN.  + Bài toán:....  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 52: DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG.**

**DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Tính được diện tích hình vuông theo quy tắc đã nêu trong SGK.

- Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến diện tích hình vuông và bài toán giải bằng hai bước tính.

- Phát triển năng lực phát triển tư duy định lượng trong không gian thông qua các tình huống liên quan đến diện tích.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV kiểm tra bài cũ.  - Tính chu vi hình chữ nhật ABCD biết chiều dài là 16 cm, chiều rộng là 5 cm.  - Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta làm ntn?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới:  \* Xây dựng quy tắc tính diện tích hình vuông.  - Slide hình ảnh:    -  - Các ô vuông trong hình chia làm mấy hàng?  - Mỗi hàng có mấy ô vuông? Tính số ô vuông có trong hình.  - Gv chỉ hình giới thiệu : Mỗi ô vuông nhỏ có diện tích là 1cm2  - Mỗi hàng có diện tích là bao nhiêu?  + Dựa vào số ô vuông tính diện tích của hình vuông trên ?  + 3 là gì của hình vuông?  *=> Muốn tính diện tích hình vuông em làm thế nào?*  - Nhận xét bạn.  *- HS đọc lại quy tắc trong SGK*  *=> Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó(cùng đơn vị đo)* | - HS thực hiện  + Trả lời: b/c  - ... chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo)  - HS lắng nghe.  - ... quan sát  - ... 3 hàng.  - ... 3 ô vuông.  - ... 3 x 3 = 9 (ô vuông) B/c  -... 3cm2  Lời giải  Diện tích của hình vuông trên là: 3 x 3 = 12 (cm2)  b/c  - ... 3 là độ dài một cạnh hình vuông.  - ...lấy cạnh dài nhân với cạnh.  - Nhận xét.  -... đọc quy tắc SGK  -... lắng nghe. Nhắc lại |
| **2. Luyện tập***:* | |
| **Bài 1. (Làm việc cá nhân) Tính chu vị, diện tích hình vuông.**  **-** GV hướng dẫn cho HS nhận biết câu 1.    - Chữa bài, Soi phiếu    **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2 a: (Làm vở) Diện tích hình vuông ?**  - Thực hiện vào vở.  - Soi, chữa bài.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Miếng bánh có diện tích là bao nhiêu?  - Nêu cách tính diện tích của miếng bánh hình vuông đó?  *=> Muốn tính diện tích hình vuông em làm thế nào?*  **Bài 2 b**  - Thực hiện vào nháp.  - Soi, chữa bài.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Miếng bánh bị cắt đi có diện tích là bao nhiêu?  - Miếng bánh còn lại có diện tích là bao nhiêu?  - Nêu cách tính diện tích của miếng bánh bị cắt đi đó?  *=> Muốn tính diện tích hình vuông em làm thế nào?*  **Bài 3: (Làm việc nhóm) độ dài, diện tích hình vuông?**  - GV cho HS nháp.  - Quan sát tranh    - Gọi HS lên bảng ghép, chia sẻ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  => *=> Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó(cùng đơn vị đo* | - Nêu yêu cầu.  - 1 HS nêu cách tính chu vị, diện tích hình vuông .  - HS lần lượt làm vào phiếu bài tập :  - Nhận xét  - Đối chiếu kq của bạn với kq mình.  - Nêu yêu cầu.  - HS làm vở.  Lời giải  Diện tích miếng bánh là:  8 x 8 = 64(cm2)  Đáp số: 64cm2  + ... 64cm2  + ... lấy cạnh là 8 cm nhân với cạnh là 8cm  + ... lấy cạnh nhân với chính nó (cùng đơn vị đo).  - Nêu yêu cầu.  - HS làm nháp.  Lời giải  Diện tích miếng bánh bị cắt đi là: 3 x 3 = 9(cm2)  Diện tích miếng bánh còn lại là:  64 – 9 = 55(cm2)  Đáp số: 55cm2  + ... 9cm2  + ... 55cm2  + ... lấy cạnh là 3cm nhân với cạnh là 3cm  + ... lấy cạnh nhân với chính nó (cùng đơn vị đo).  - Nêu yêu cầu.  ­­  - HS làm nháp.  - ...quan sát  -...thực hiện, chia sẻ    Lời giải  Độ dài cạnh hình vuông là:  2 x 4 = 8(cm2)  Diện tích hình vuông đó là:  8 x 8 = 64(cm2)  Đáp số: 64cm2  - Đại diện nhóm trả lời:  + Mỗi một ô vuông là bao nhiêu cm2 ?  - ... 2 cm2  + Cạnh hình vuông vừa xếp được là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông? Bạn làm thế nào?  - ...8 cm2 , lấy 2 x 4 = 8 cm2  + Muốn tính diện tích hình vuông được ghép bởi các hình bạn áp dụng công thức nào  - … công thức tính diện tích hinh vuông. |
| **3. Vận dụng.** | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nắm được cách tính diện tích của hình vuông.  + Bài toán:....  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 52: DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG.**

**LUYỆN TẬP (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Tính được diện tích hình chữ nhật và diện tích hình vuông theo quy tắc đã nêu trong SGK.

- Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến diện tích hình chữ nhật và diện tích hình vuông và bài toán giải bằng hai bước tính.

- Phát triển năng lực phát triển tư duy định lượng trong không gian thông qua các tình huống liên quan đến diện tích.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV kiểm tra bài cũ.  +Câu 1: Nêu quy tắc tính diện tích hình chữ nhật?  +Câu 2:Nêu quy tắc tính diện tích hình vuông?  - GV Nhận xét, tuyên dương. | + Trả lời:  + Trả lời  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:* | |
| **Bài 1a. (Làm việc cá nhân) Tính diện tích chữ nhật, hình vuông.**  **-** GV hướng dẫn cho HS nhận biết câu 1.  - Nhận xét bạn.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 1 b: (Làm nháp) Diện tích hình vuông ?**  - Thực hiện vào nháp.  - Soi, chữa bài.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Diện tích hình H là bao nhiêu?  - Nêu cách tính diện tích của hình H?  *=> Muốn tính diện tích hình vuông em làm thế nào?*  **Bài 2a: Số? (Làm việc nhóm)**  - Thực hiện vào phiếu bài tập.    - Soi, chữa bài.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - Mảnh đất của ba bác kiến có chu vi bằng bao nhiêu?  - Mảnh đất màu đỏ có diện tích băng bao nhiêu?  - Mảnh đất màu xanh có diện tích băng bao nhiêu?  - Mảnh đất màu nâu có diện tích băng bao nhiêu?  *=>Cách tính chu vi hình vuông, diện tích hình vuông có gì khác nhau?*  **Bài 2b: So sánh?**  **- Chữa bài:**  Diện tích của ba mảnh đất đỏ, xanh nâu bằng bao nhiêu? So sánh diện tích của ba mảnh đó rồi tìm mảnh có diện tích lớn nhất.  *=> Nêu cách tính chu vi của hình chữ nhật, hình vuông?*  *- Cách tính diện tích của hình chữ nhật có gì khác cách tính diện tích hình vuông.*  **Bài 3: Diện tích hình chữ nhật, diện tích hình vuông?**  - GV cho HS vở.  - Gọi HS lên chia sẻ.  - GV nhận xét, tuyên dương  => Em đã vận dụng kiến thức gì khi giải bài toán?  - GV nhận xét, tuyên dương.  *=> Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó(cùng đơn vị đo)*  **Bài 4: Diện tích hình chữ nhật.**  **- Chữa bài:**  Tìm diện tích của tấm kính còn lại. Đầu tiên ta phải di tìm diện tích của cả tấm kính lớn, tiếp theo tìm diện tích của mỗi tấm kính. Tìm diện tích của ba tấm kính. Cuối cùng là tìm tấm kính còn lại.  - GV nhận xét, tuyên dương  => Em đã vận dụng kiến thức gì khi giải bài toán?  - GV nhận xét, tuyên dương.  *=> Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo)* | - Nêu yêu cầu.  -... b/c  -.. nhận xét.  - Nêu yêu cầu.  - HS làm nháp.  Lời giải  Diện tích hình H là:  49 + 180 = 229(cm2)  Đáp số: 229cm2  + ... 229cm2  + ... tính tổng diện tích của hình vuông  + ... lấy cạnh nhân với chính nó (cùng đơn vị đo).  - Nêu yêu cầu.  - HS làm phiếu bài tập.  Lời giải    + ... 20cm  + ... 25cm2  + ... 21cm2  + ... 24cm2  + ... chu vi = cạnh x4  +....diện tích = cạnh x cạnh  - ...đọc thầm nêu yêu cầu  - Nêu yêu cầu.  - ...nháp  - ...mảnh đất đỏ: 5 x 5 = 25 cm2  ­­- mảnh đất xanh: 7 x 3 = 21 cm2  - ...mảnh đất đỏ: 6 x 4 = 24 cm2  - Diện tích mảnh đất màu đỏ lớn nhất  - ... nêu  -... diện tích HCN = chiều dài nhân với chiều rộng  diện tích HV = cạnh x cạnh  - HS làm vở.  Lời giải  Diện tích tấm bìa màu đỏ là:  6 x 3 = 18(cm2)  Diện tích tấm bìa hình vuông là:  18 x 2 = 36(cm2)  Đáp số: 36cm2  - Đại diện nhóm trả lời:  -... tính diện tích hình vuông.  - Nêu yêu cầu.  - ...nháp  Lời giải  Diện tích của tấm kính lớn là:  85 x 30 = 2550 (cm2)  Diện tích mỗi tấm kính cắt đi là:  80 x 10 = 800 (cm2)  Diện tích 3 tấm kính cắt đi là:  800 x 3 = 2400 (cm2)  Diện tích phần tấm kính còn lại là:  2550 – 2400 = 150 (cm2)  Đáp số: 150 cm2  -... tính diện tích hình chữ nhật. |
| **3. Vận dụng.** | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nắm được cách tính diện tích của hình vuông.  + Bài toán:....  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS trả lời:..... |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TOÁN**

**Bài 53: LUYỆN TẬP CHUNG.**

**LUYỆN TẬP (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Tính được chu vi hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông khi biết độ dài các cạnh.

- Tính được diện tích hình chữ nhật, hình vuông.

- Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến chu vi, diện tích các hình đã học.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Kể tên các hình mà em đã được học?  + Câu 2: Muốn tính chu vi của một hình em làm thế nào?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: miệng  + Muốn tính chu vi của một hình ta lấy đồ dài các cạnh cộng lại với nhau  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:* | |
| **Bài 1. (Phiếu bài tập) Số? Tính chu vi, cạnh hình vuông.**  **-** GV hướng dẫn cho HS nhận biết bài 1.  - Yc làm phiếu bài tập.    **-** GV nhận xét, tuyên dương.    => *Để tính được chu vi, cạnh hình vuông em làm thê nào?*  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2a: (Làm vở) Tính chu vi hình chữ nhật?**  - GV hướng dẫn cho HS nhận biết bài 2  - Yc quan sát mẫu.    - 20 cm là chỉ số nào?  - 50 cm là chỉ số nào?  - Để làm được bài toán trên việc đầu tiên em phải làm gì?  - Nhận xét bạn  - GV Nhận xét, tuyên dương.  *=> Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng chiều rộng rồi nhân 2 (cùng đơn vị đo).*  **Bài 2b:**  - GV hướng dẫn cho HS nhận biết bài 2b  - Chữa bài  - Soi bài  - Nhận xét bạn  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: (Làm việc cá nhân) Tính chu vi hình chữ nhật, nhân số có hai chữ số cho số có một số?**    - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - GV cho HS làm bài tập vào vở.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. (Làm việc nhóm 4) Tính chu vi hình tứ giác, so sánh?**  - GV cho HS quan sát tranh vẽ.    - GV chia nhóm 4, các nhóm các nhóm thảo luận đưa ra kết quả  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  *=> GV đếm số khoảng cách rồi đem cộng lại với nhau thì ta sẽ được chu vi vườn hoa của ba bạn.* | - 1 HS nêu  - HS làm phiếu bài tập.  + Cạnh hình vuông là 20cm thì chu vi bằng 80 cm  + Cạnh hình vuông là 5cm thì chu vi bằng 20 cm  + Chu vi hình vuông bằng 40cm thì cạnh bằng 10cm.  + Chu vi hình vuông bằng 100cm thì cạnh bằng 25cm  + Áp dụng quy tắc lấy cạnh nhân với 4.  + Cạnh bằng chu vi chia cho 4  - HS làm vở.  + Quan sát mẫu  + 20cm là đổi từ 2dm  + 50cm là chu vi hình chữ nhật.  + Nhận xét  + Đổi chúng về cùng một đơn vị đo  + HS làm vở.  Lời giải  Đổi 1m = 10dm  Chu vi hình chữ nhật là:  (10 + 2) x 2 = 24(cm)  Đáp số: 24cm  + HS nêu yêu cầu  + Làm vở  + Một viên gạch hình vuộng có cạnh là 30cm  + Tính chu vi hình chữ nhật được ghép bởi 3 viên gạch.  ­­Lời giải  Chiều dài hình chữ nhật là:  30 x 3 = 90 (cm)  Chu vi hình chữ nhật là:  (90 + 30) x 2 = 240(cm)  Đáp số: 240cm  - Nêu yêu cầu.  - Quan sát  - Thảo luận  - Đại diện nhóm trình bày.  + Trong tranh là vườn hoa của ba bạn Mai, Nam  + Bạn ong đã tìm đến vườn hoa có hàng ráo dài nhất do bạn Việt chăm sóc.  + Bạn chuồn chuồn đã tìm đến vườn hoa có hàng ráo ngắn nhất do bạn Mai chăm sóc.  + Nhận xét |
| **3. Vận dụng.** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Việt Nam thân yêu”. Yêu cầu HS chia nhóm 4 để tham gia chơi.  Câu 1: Hình vuôn có cạnh 10cm, chu vi là bao nhiêu?  Câu 2: Hình chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 5cm thì diện tích là bao nhiêu?  Câu 3: Chu vi hình vuông là 12cm, vậy cạnh hình vuông là bao nhiêu?  Câu 4: Muốn tính chu vi của hình vuông em làm thế nào?  - Nhận xét trò chơi, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học. | + Đại diện nhóm cho câu hỏi qua các địa danh, tiến hành thảo luận nhanh và đưa ra phương án trả lời.  1. Chu vi hình vuông là 40cm.  2. Diện tích hình chữ nhật là 40cm2.  3. Cạnh hình vuông là 3cm.  4. Muốn tính chu vi của hình vuông em lấy cạnh nhân với 4. |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TUẦN 22**

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**

**Bài 07: MẶT TRỜI XANH CỦA TÔI (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Học sinh đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện “Mặt trời xanh của tôi”.

- Bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

- Nhận biết được vẻ đẹp của cây cọ, lá cọ, hoa cọ. Hiểu được vẻ đẹp của rừng cọ qua cảm nhận của tác giả bằng các giác quan khác nhau. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Mỗi loài cây xung quanh chúng ta, có một vẻ đẹp riêng, sức hấp dẫn riêng.

- Nghe hiểu câu chuyện: “Sự tích hoa mào gà”, kể lại được từng đoạn câu chuyện dựa vào tranh ( không bắt buộc kể đúng nguyên văn theo lời giáo viên kể).

- Bồi dưỡng tình yêu cây cối, sự hứng thú của học sinh khi khám phá thế giới cây cối đa dạng và phong phú.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài tập đọc.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua câu chuyện về những trải nghiệm mùa hè.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Vì sao cây gạo lại có “ ngày hội mùa xuân”?  + Câu 2: Em thích hình ảnh cây gạo vào mùa nào? Vì sao?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Cho học sinh quan sát tranh ( theo nhóm đôi) và nói về loài cây em nhìn thấy trong tranh.  - GV dẫn dắt sang phần đọc. | | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: Vì có rất nhiều các loài chim về đó tụ hội.  + Học sinh trả lời theo ý thích của mình.  - HS lắng nghe.  - HS chia sẻ: Cây cao, lá to, thân thẳng, màu xanh, tán lá hình tròn... |
| **2. Khám phá***.* | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Đọc văn bản.**  - GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.  - GV HD đọc: Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai VD: trận, trời, xanh,che, xòe, rừng… .  - Đọc diễn cảm một số hình ảnh thơ: Như tiếng thác dội về/ Như ào ào trận gió; Gối đầu lên thảm cỏ/ Nhìn trời xanh lá che; Lá xòe từng tia nắng/ giống hệt như mặt trời; Rừng cọ ơi! Rừng cọ!/ Lá đẹp, lá ngời ngời  - GV mời 5 HS đọc nối tiếp theo nhóm.  - Giúp HS hiểu nghĩa của các từ ngữ đã chú giải trong mục từ ngữ  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.  **2.2. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi.**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt 4 câu hỏi trong sgk. GV nhận xét, tuyên dương.  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Tiếng mưa trong rừng cọ được tả như thế nào?  + Câu 2: Buổi trưa mùa hè ở rừng cọ có gì thú vị?  ( Câu hỏi này có đáp án mở nên GV khuyến khích các em trả lời theo sự cảm nhận của mình)  + Câu 3: Tìm những câu thơ nói về vẻ đẹp của hoa cọ và lá cọ. Vì sao lá cọ được gọi là “ mặt trời xanh”?  + Câu 4: Vẻ đẹp của rừng cọ được tác giả cảm nhận bằng những giác quan nào?  - GV mời HS nêu nội dung bài.  - GV Chốt: ***Hiểu được vẻ đẹp của rừng cọ qua cảm nhận của tác giả bằng các giác quan khác nhau.***  **2.3. Hoạt động: Luyện đọc học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu.**  - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu 3 khổ thơ đầu.  - HS đọc thành tiếng 3 khổ thơ đầu. | | - Hs lắng nghe.  - HS lắng nghe cách đọc.  -HS làm việc nhóm (5HS/ nhóm)  -HS đọc nhẩm cá nhân sau đọc nối tiếp trước lớp  - HS thảo luận theo cặp đôi hoặc nhóm thống nhất câu trả lời rồi chia sẻ trước lớp:  + Tiếng mưa trong rừng cọ được tác giả ví như tiếng thác dội về, như ào ào trận gió.  + Buổi trưa ở rừng cọ rất là mát vì lá cọ che đi ánh nắng mặt trời... .  + *Hoa vàng như hoa cau...*  *Lá xòe từng tia nắng/ Giống hệt như mặt trời*.  + Vẻ đẹp của rừng cọ được tác giả cảm nhận bằng các giác quan: Thính giác, thị giác, xúc giác…  + HS nêu theo hiểu biết của mình.  - HS tự học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu rồi đọc trước lớp. |
| **3. Nói và nghe**: **Sự tích hoa mào gà** | | |
| **3.1. Hoạt động 3: Dựa vào tranh đoán nội dung câu chuyện.**  - GV cho HS yêu cầu 1; đoán nội dung câu chuyện, sau đó trao đổi phán đoán của mình với bạn.  - Gọi HS trình bày trước lớp.  - GV và cả lớp nhận xét.  **3.2. Hoạt động 4: Nghe kể chuyện.**  - GV giới thiệu các nhân vật trong câu chuyện.  - GV kể chuyện ( lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh  - GV kể chuyện ( lần 2) thỉnh thoảng dừng lại đặt câu hỏi gợi nhớ  **3.3. Hoạt động 5: Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.**  - GV hướng dẫn cách thực hiện:  + Bước 1: HS làm việc các nhân, nhìn tranh để tập kể từng đoạn câu chuyện.  + Bước 2: HS tập kể theo cặp hoặc nhóm  - Mời các cá nhân HS kể nối tiếp các đoạn.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS phát biểu ý kiến trước lớp:  + Tranh 1: Các bạn gà xúm xít quanh bạn gà mơ và khem chiếc mào của bạn ấy đẹp “ Chiếc mào của bạn mới đẹp làm sao!”  + Tranh 2: Bạn gà mơ thấy một cái cây màu đỏ tía buồn bã nên hỏi “ Bạn làm sao thế?”  + Tranh 3: Bạn gà mơ lấy chiếc mào trên đầu mình tặng cho cây.  + Tranh 4: Chiếc mào không còn trên đầu gà mơ, còn cái cây lại có một bông hoa rực rỡ giống hệt chiếc mào gà.  - HS lắng nghe và quan sát theo tranh.  - HS tham gia trả lời các câu hỏi gợi nhớ.  - HS kể đúng lời nói, đúng lời đối thoại ( không phải kể đúng từng câu từng chữ)  - HS kể từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện. | |
| **4. Vận dụng.** | | |
| **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào tực tiễn cho học sinh.  + Cho HS quan sát video về các loài cây.  + GV nêu câu hỏi: Cây có những bộ phận nào? Có đẹp không? Cây có tác dụng gì trong cuộc sống hàng ngày? Em cần làm gì để chăm sóc và bảo vệ cây?  - Nhận xét, tuyên dương | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS quan sát video.  + Trả lời các câu hỏi.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**TIẾNG VIỆT**

**Nhớ – Viết: MẶT TRỜI XANH CỦA TÔI (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Viết đúng chính tả 3 khổ thơ đầu của bài *Mặt trời xanh của tôi.*theo hình thức nhớ - viết; biết cách trình bày đoạn văn, biết viết hoa chữ cái đầu tên bài đọc và đầu các câu văn.

- Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt *r/d/gi* hoặc *in/inh.*

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các bài tập trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia làm việc trong nhóm để ttrar lời câu hỏi trong bài.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài viết.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | | |
| - GV tổ chức hát tập thể bài “ Đi học” của nhạc sĩ Bùi Đình Thảo, lời thơ Hoàng Minh Chính.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia nghe nhacj và hát  - HS lắng nghe. | |
| **2. Khám phá***.* | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Nhớ - Viết. (làm việc cá nhân)**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị:  + Đọc nhẩm lại 3 khổ thơ đầu sẽ nhớ viết  + Quan sát các dấu câu có trong các khổ thơ và cách trình bày các khổ thơ  + Lưu ý HS viết chữ hoa đầu mỗi câu thơ, tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do cách phát âm địa phương như: *rừng cọ, gió, trưa, xanh, che...*  - GV cho HS viết bài sau đó soát lỗi.  - GV kiểm tra bài viết của HS và chữa nhanh một số bài.  - GV nhận xét chung.  **2.2. Hoạt động 2: Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông (làm việc nhóm 2).**  - GV mời HS nêu yêu cầu.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: Chọn tiếng kết hợp được với tiếng *dong/rong* hoặc *dứt/rứt* trong những tiếng đã cho.  - Một số nhóm trình bày kết quả.  - Cả lớp và GV nhận xét, thống nhất kết quả  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **2.3. Hoạt động 3: Làm bài tập a hoặc b. (làm việc nhóm 4)**  GV cho HS làm bài tập chính tả phù hợp với vùng miền.  - GV mời HS nêu yêu cầu.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm, chọn đúng r,d hoặc gi thay cho ô vuông.  - Mời đại diện nhóm trình bày.  - Gv cùng cả lớp chốt đáp án  *a.Chọn d/r/gi thay cho ô vuông*  + *riêng, rất, riêng, già*  *+ dược, ra, gió, rạp*  *b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa in hoặc inh*  *+in: mịn màng, bịn rịn, nhường nhị, quả chín…*  *+inh: đủng đỉnh, xinh xắn, rung rinh, bình hoa…*  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - HS lắng nghe.  - HS nhẩm lại nếu chưa nhớ chính xác có thể mở sách đọc lại.  - HS nhắc lại cách viết hoa...  - HS viết các khổ thơ vào vở.  - HS đổi vở dò bài cho nhau.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Các nhóm sinh hoạt và làm việc theo yêu cầu.  - Kết quả trình bày:  + *rong biển, dong dỏng, rong chơi, thong dong. Rong rêu.*  *+ bứt rứt, dứt khoát, day dứt, rấm rứt, dứt điểm*.  - 1 HS đọc yêu cầu*: a.Chọn d/r/gi thay cho ô vuông*  *b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa in hoặc inh*  - Các nhóm làm việc theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm trình bày |
| **3. Vận dụng.** | | |
| GV hướng dẫn HS tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về 1 loài cây ví dụ: Sự tích cây khoai lang, Sự tích cây lúa, sự tích cây vú sữa...  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | | - HS lắng nghe để lựa chọn. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

-------------------------------------------------------------------

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**

**Bài 08: BẦY VOI RỪNG TRƯỜNG SƠN (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh đọc đúng các âm dễ lẫn do ảnh hưởng của phát âm địa phương, đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Bầy voi rừng Trường Sơn*. Bước đầu biết nhấn giọng các từ ngữ gợi tả, biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

- Nhận biết được bài văn nói về bầy voi rừng Trường Sơn. Hiểu biết về môi trường sống, những hoạt động thường ngày, đặc điểm của loài voi.

- Đọc mở rộng theo yêu cầu (tự tìm được câu chuyện, bài thơ, bài văn,... nói về cây cối. Muông thú, biết ghi chép các thông tin chính của bài đọc vào phiếu đọc sách. Chia sẻ với các bạn những thông tin trong bài đã đọc)

- Hiểu biết về thế giới thiên nhiên, từ đó biết yêu quý, bảo về các laoif thú, bảo vệ môi trường sống của chúng. Chia sẻ với người thân những hiểu biết về thế giới thiên nhiên.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua bài thơ.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bà và những người thân qua bài thơ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức làm việc theo nhóm: *Nói điều em biết về một loài vật trong rừng.*  - GV đặt thêm câu hỏi để làm rõ ý học sinh nêu.  - Mời HS nêu nội dung tranh minh họa hoặc GV có thể cho HS xem một đoạn video ngắn về một số loài vật trong rừng trong đó có voi.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS làm việc theo sự hướng dẫn của nhóm trưởng.  - Đại diện các nhóm báo cáo nội dung thảo luận thống nhất trước lớp.  - HS lắng nghe hoặc xem video |
| **2. Khám phá***.* | |
| **2.1. Hoạt động 1: Đọc văn bản.**  - GV đọc mẫu: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.  - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài. Đọc đúng các tiếng phát âm dễ sai VD: *Trường Sơn, xứ sở, ki-lô-gam, rống…*  - GV HD ngắt giọng ở những câu dài  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: (3 đoạn)  + Đoạn 1: Từ đầu đến *xứ sở của loài voi*.  + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *đầy uy lực*.  + Đoạn 3: Còn lại.  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - Luyện đọc từ khó: *Trường Sơn, xứ sở, ki-lô-gam, rống, rừng rậm,lững thững, ngơ ngác…*  - Luyện đọc câu dài: : *Nơi đó có những nguồn suối không bao giờ cạn,/ những bài chuối rực trời hoa đỏ,/ những rừng lau bát ngát,/ ngày đêm giũ lá rào rào,…//*  - GV mời HS nêu từ ngữ giải nghĩa trong SGK. Gv giải thích thêm.  *-* Luyện đọc: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp theo nhóm 4.  - GV nhận xét các nhóm.  **2.2. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi.**  - GV gọi HS đọc, thảo luận cặp đôi và trả lời lần lượt 4 câu hỏi trong sgk. GV nhận xét, tuyên dương.  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Tìm những câu văn miêu tả rừng Trường Sơn ( nơi ở của loài voi)?  + Câu 2: Dựa vào tranh và nội dung bài đọc, kể lại hoạt động thường ngày của loài voi?  GV có thể cho HS lên chỉ vào tranh để nói về hoạt động thường ngày của loài voi.  + Câu 3: Sắp xếp các ý dưới đây theo trình tự các đoạn trong bài.  GV mời 3 HS đọc nối tiếp 3 ý  Cho Hs làm việc các nhân sau đó làm việc nhóm  GV và cả lớp nhận xét, góp ý, chốt đáp án:  Đoạn 1: Giới thiệu nơi ở của loài voi  Đoạn 2: Mô tả hoạt động thường ngày của loài voi  Đoạn 3: Cảm nghĩ về loài voi  + Câu 4: Nêu những đặc điểm của loài voi. Em thích nhất đặc điểm nào của chúng?  Cho HS làm việc theo nhóm, đại diện các nhóm trả lời trước lớp.  + Câu 5: Bài đọc giúp em biết thêm điều gì về loài voi?  GV cho HS trao đổi theo cặp  Gọi 1 số cặp báo cáo trước lớp  GV chốt đáp án:  ***Bài đọc giúp em biết thêm về môi trường sống, những hoạt động thường ngày, đặc điểm của loài voi***.  **2.3. Hoạt động 3: Luyện đọc lại (làm việc cá nhân, nhóm ).**  - GV đọc diễn cảm cả bài.  - GV cho HS luyện đọc cá nhân, nhóm.  - GV cho HS luyện đọc nối tiếp.  - GV mời một số học sinh thi đọc bài trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Hs lắng nghe.  - HS lắng nghe cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát  - HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS đọc giải nghĩa từ.  - HS luyện đọc theo nhóm 4.  - HS trả lời lần lượt các câu hỏi:  + *Đường Trường Sơn có nhiều cánh rừng hoang vu....ngày đêm giũ lá rào rào.*  + *Từ trên núi, chúng xuống đồng cỏ,....... tìm cái ăn.*  + HS tự sắp xếp các ý theo yêu cầu câu hỏi  + Thảo luận trong nhóm, thống nhất câu trả lời rồi đại diện chia sẻ trước lớp.  + HS nêu theo hiểu biết của mình.  - 2-3 HS nhắc lại nội dung bài thơ.  + HS làm việc cặp đôi và chia sẻ câu trả lời trước lớp.  - HS chú ý lắng nghe.  - HS luyện đọc nối tiếp.  - Một số HS thi đọc bài trước lớp. |
| **3. Đọc mở rộng***.* | |
| **3.1. Hoạt động 4: Đọc câu chuyện, bài thơ, bài văn, .. về cây cối, muông thú,...và viết phiếu đọc sách theo mẫu.**  - GV hướng dẫn HS chia sẻ cách tìm văn bản đọc mở rộng. Lưu ý HS biết cách chọn bài đọc theo chủ điểm.  - GV hướng dẫn HS đọc xong nên ghi chép các thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách hoặc có thể trao đổi về nội dung bài đọc.( mẫu phiếu SHS)  **3.2. Hoạt động 5: Chia sẻ với các bạn thông tin thú vị về thế giới thiên nhiên trong bài đã đọc hoặc bức tranh em vẽ (làm việc nhóm ).**  **-** GV cho HS chia sẻ trước lớp | - HS có thể sưu tầm các câu chuyện tron sách hoặc mang sách truyện đến lớp tự đọc hoặc đọc trong nhóm.  - HS ghi chép thông tin vào phiếu đọc sách.    - Từng HS đọc các bài thơ, bài văn... về các loài vật đã tìm được trong nhóm. |
| **4. Vận dụng.** | |
| **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào thực tiễn cho học sinh.  + Cho HS quan sát video về các con vật.  + Em có yêu thích các loài vật không?  + Chúng có lợi ích gì?  - Cho các em nêu cách chăm sóc và bảo vệ các loài vật nuôi cũng như các loài vật hoang dã.  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS quan sát video.  + Trả lời các câu hỏi.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**

**Bài 08: BẦY VOI RỪNG TRƯỜNG SƠN (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hiểu biết và phân biệt được các từ ngữ chỉ sự vật trong tự nhiên, từ ngữ chỉ đặc điểm của các sự vật; biết đặt câu với các từ ngữ đó. Dựa vào tranh, VB cho trước, biết đặt và trả lời câu hỏi về thời gian địa điểm.

- Hiểu biết về thế giới thiên nhiên, từ đó biết yêu quý, bảo về các laoif thú, bảo vệ môi trường sống của chúng. Chia sẻ với người thân những hiểu biết về thế giới thiên nhiên.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý và tôn trọng bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - GV cho HS xem clip hoặc tranh ảnh về phong cảnh thiên nhiên để khởi động bài học.  - GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ những hiểu biết về nội dung phim ảnh vừa được xem ( Đó là những sự vật nào? Sự vật đó có đặc điểm gì?)  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS quan sát  - 1 HS chia sẻ những điều quan sát được trước lớp |
| **2. Khám phá***.* | |
| **2.1. Hoạt động 1: làm việc cá nhân, nhóm**  **Bài 1: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp**  - GV cho HS đọc yêu cầu của bài  - Cho HS làm việc theo nhóm  - GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp. GV và cả lớp thống nhất phương án đúng:   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ chỉ sự vật** | **Từ ngữ chỉ đặc điểm** | | Núi, ruộng bậc thang, thác nước, suối, rừng. | Mênh mông, uốn lượn, ngoằn ngoèo, trắng xóa, sừng sững, gập ghềnh, quanh co |   -GV có thể cho HS tìm thêm các từ ngữ chỉ sự vật trong thiên nhiên.  **2.2. Hoạt động 2: (làm việc cặp đôi)**  **Bài 2: Đặt 2-3 câu với từ ngữ ở bài tập 1.**  - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập  Gợi ý theo mẫu: *Ngọn núi sừng sững*  - GV giao nhiệm vụ cho HS suy nghĩ, đặt câu trong vở nháp.  - Mời HS đọc câu đã đặt.  - Mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét câu HS đặt, khuyến khích, động viên những HS biết đặt câu đúng, hay, có hình ảnh, dùng từ đúng.  - GV tuyên dương, bổ sung.  **2.3. Hoạt động 3: (làm việc nhóm đôi)**  **Bài 3: Nhìn tranh, đặt và trả lời câu hỏi ở đâu?**  -Cho HS đọc yêu cầu, quan sát tranh và đọc mẫu  - GV HD HS quan sát tranh: Trong tranh có những con vật nào? Chúng đang làm gì? Ở đâu?  - HS làm việc theo nhóm  - GV yêu cầu các nhóm trình bày kết quả.  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **2.4. Hoạt động 3: (làm việc nhóm)**  **Bài 4:** **Dựa vào đoạn thơ dưới đây, đặt và trả lời câu hỏi khi nào?**  -GV cho HS đọc yêu cầu của bài, đọc đoạn thơ trong SHS  - HD HS dựa mẫu và nội dung đoạn thơ để đặt câu hỏi và trả lời  - Các nhóm báo cáo kết quả  + Rùa con đến cổng chợ khi nào?  + Khi nào Rùa con mua hạt giống xong?  + Rùa con về đến cửa khi nào?  GV nhận xét chung | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - HS làm việc theo nhóm .  - Đại diện nhóm trình bày:  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - HS quan sát, bổ sung.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - HS trao đổi với bạn bên cạnh rồi suy nghĩ, đặt câu vào vở nháp.  - Một số HS trình bày kết quả.  - HS nhận xét bạn.  -HS thực hiện theo yêu cầu GV  - HS TL: Có sóc, cá, kì đà, gấu, đàn chim....  - Các nhóm làm việc theo yêu cầu và báo cáo kết quả: Sóc đang trên cành cây đùa giỡn nhau. Gấu đang uống nước. Kỳ đà trốn trong khe đá...  - 1 HS đọc yêu cầu của bài  - 1 HS đọc đoạn thơ  - Cả lớp đọc thầm theo.  + Rùa con đến cổng chợ khi sang hè.  + Khi chợ đã vãn chiều Rùa con mua hạt giống xong.  + Rùa con về đến cửa khi trời vừa sang đông.  - Các nhóm nhận xét chéo nhau. |
| **3. Vận dụng.** | |
| - GV cho Hs chơi trò chơi “ Truyền điện”  - GV Phổ biến cách chơi: Đặt câu hỏi *khi nào*?và hỏi truyền nhau thật nhanh> Bạn nào không trả lời được hoặc quá chậm sẽ bị phạt trò bơm xe  - GV tuyên dương những bạn có câu trả lời nhanh chính xác và hay  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS nghe phổ biến cách chơi, luật chơi.  - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

-------------------------------------------------------------------

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN**

**Bài 08: BẦY VOI RỪNG TRƯỜNG SƠN (T4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Dựa vào các tranh ảnh trong SHS để nói về một cảnh vật.

- Viết được một đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một cảnh vật em yêu thích. Biết chia sẻ đoạn văn của mình với bạn. Chỉnh sửa theo góp ý.

- Hiểu biết về thế giới thiên nhiên, từ đó biết yêu quý, bảo về các laoif thú, bảo vệ môi trường sống của chúng. Chia sẻ với người thân những hiểu biết về thế giới thiên nhiên.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý và tôn trọng bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| - GV cho HS xem clip hoặc tranh ảnh về phong cảnh thiên nhiên để khởi động bài học.  - GV đặt câu hỏi để HS chia sẻ những hiểu biết về nội dung phim ảnh vừa được xem ( Đó là những sự vật nào? Sự vật đó có đặc điểm gì?)  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS quan sát  - 1 HS chia sẻ những điều quan sát được trước lớp |
| **2. Khám phá***.* | |
| **2.1. Hoạt động 1: (làm việc nhóm)**  **Bài 1: Em thích cảnh vật nào trong các bức ảnh? Vì sao?**  - GV cho HS đọc yêu cầu của bài  - Cho HS làm việc theo nhóm  - GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp.  **2.2. Hoạt động 2: ( Làm việc cá nhân và cả lớp)**  **Bài 2. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một cảnh vật em yêu thích**  - GV gọi 1 HS nêu yêu cầu của bài  - Làm việc chung cả lớp: Dựa vào sự lựa chọn về một cảnh vật mình yêu thích các em nhớ và viết lại thành một đoạn văn vào vở theo gợi ý trong SHS  - Cho HS làm việc cá nhân: Viết đoạn văn vào vở  **2.3. Hoạt động 3: ( Làm việc cả lớp)**  **Bài 3: Trao đổi bài làm với bạn để sửa lỗi và bổ sung ý hay**  - GV gọi 1 số HS đọc bài làm trước lớp  - GV và cả lớp nhận xét:  + Góp ý chỉnh sửa về dùng từ ngữ và cách sử dụng câu văn  + GV ghi nhận, khen ngợi những đoạn văn rõ ràng về nội dung và sử dụng nhiều từ ngữ hay, hình ảnh đẹp, trình bày sạch sẽ. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - HS làm việc theo nhóm .  - Đại diện nhóm trình bày và giải thích vì sao lại thích cảnh vật đó.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - 2 HS đọc phần gợi ý trong SHS .  - HS viết bài vào vở  - Một số HS trình bày kết quả.  - HS nhận xét bạn.  - HS ghi lại ý kiến các bạn góp ý  - Chỉnh sửa lại đoạn văn sau khi nhận xét góp ý. |
| **3. Vận dụng.** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. - GV tóm tắt lại những nội dung chính  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà tìm đọc thêm những bài văn, bài thơ,...viết về những hoạt động yêu thích của em.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS chú ý lắng nghe.  - HS trả lời theo ý thích của mình.  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

-------------------------------------------------------------------

**TUẦN 22**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**CHỦ ĐỀ 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE**

**Bài 19: CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ CƠ QUAN TIÊU HÓA (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù: Sau khi học, học sinh sẽ:**

- Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn bảo vệ các cơ quan tiêu hóa.

- Kể được tên một số thức ăn, đồ uống và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hóa và cách phòng tránh,

- Xây dựng và thực hiện được thời gian biểu phù hợp để có được thói quen học tập, vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ và ngủ đủ giấc

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết quan sát,Có biểu hiện chú ý học tập, phân tích , tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình, đóng vai, xử lý tình huống… trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết chăm sóc sức khỏe của bản thân và những người trong gia đình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Tranh: ảnh về bảo vệ, chăm sóc cơ quan tiêu hóa .

- Giấy A4, B2 hoặc B3

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

-Giấy màu, bút vẽ hay băng dính 2 mặt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:** | | | | |
| + GV nêu câu hỏi: Đã bao giờ bạn bị đau bụng chưa? Tại sao lại bị đau bụng?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới:” Chăm sóc và bảo vệ cơ quan tiêu hóa” | | HS quan sát hình 1 trang 78 và đọc đoạn hội thoại  + Trả lời: Mình từng bị đau bụng. Do ăn thức ăn chưa chín hay ôi thiu…  - HS lắng nghe.Ghi bài | | |
| **2. Khám phá***:* | | | | |
| **Hoạt động 1. Chỉ và nói được các bộ phận của cơ quan tiêu hóa (Làm việc theo cặp)**  **-** GV yêu cầu HS quan sát hình 2 trang 78 trong SGK chỉ và trả lời câu hỏi:  + Những thức ăn đồ uống nào có lợi cho cơ quan tiêu hóa? Tại sao?  + Em hãy kể thêm những thức ăn có lợi, không có lợi cho cơ quan tiêu hóa  - Đại diện từng cặp lên chỉ và nói tên thức ăn có lợi và không có lợi cho cơ quan tiêu hóa.  - Đại diện một sô em kể thâm những thức ăn mình biết có lợi và không có lợi cho cơ quan tiêu hóa    - GV mời các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - Học sinh đọc yêu cầu bài và tiến trình bày:  1 HS chỉ 1 HS nêu:  +Thức ăn đồ uống có lợi:nước, lọc , nước đã đun sôi , sữa, ngũ cốc, cá thịt, hoa quả tươi  +Thức ăn không có lợi: đồ uống có ga có cồn,đồ chiên dán, đồ ăn nhanh, chế biến sắn để đông lanh để lâu…   * HS nối tiếp nêu thêm:   + Tôm, cua, khoa , đậu các loại, bí đỏ , bí xanh, nước ép hoa quả, rau….  - HS nhận xét ý kiến của bạn.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ1 | | |
| **Hoạt động 2. Cơ quan tiêu hóa gồm những bộ phận nào?**  -**-** GV yêu cầu HS quan sát hình 3đếm 8 trang 79 trong SGK chỉ và trả lời câu hỏi:  + Các bạn trong hình đang làm gì? Nó có lợi hay có hại gì cho cơ thể?Tại sao?  + Em hãy nêu những việc nào nên là, việc nào cần tránh để bảo vệ cho cơ quan tiêu hóa  - Đại diện từng cặp lên chỉ và nói việc các bạn đang làn và việc đó có lợi hay có hại cho cơ quan tiêu hóa vì sai  - Đại diện một số em kể thêm những việc làm mình biết có lợi và không có lợi cho cơ quan tiêu hóa    - GV chốt HĐ2 và mời HS đọc lại.  *Nhắc nhở học sinh không nên ăn hoa quả thức ăn chưa rửa sạch hay không uống nước chưa đun sôi* | - Học sinh chia nhóm bàn, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày:  - Đại diện các nhóm nhận xét.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  Tranh 3: Úp lồng bàn vào thức ăn sau khi nấu xong mà chưa ăn ngay: Nên làm để tránh ruồi bọ đậu gây nhiễm vi khuẩn..  -Tranh 4 10 giờ tối còn ăn gà rán rồi mới đi ngủ: Không nên, vì thức ăn đó chứa nhiều dầu mỡ lâu tiêu, khiến da dày- cơ quan tiêu hóa phải hoạt động nhiều không được nghỉ ngơi, mình sẽ khó ngủ và có hại cho sức khỏe  Tranh 5 Không nên hứa với bạn đợi ăn xong mới đi đá bóng vì ăn no chạy sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe  Tranh 6 : Không nên ăn nhanh để đi xem ti vi , vì không nhai kỹ sẽ có hại cho tiêu hóa không tiết được nhiều nươc bọt, dịch vị không tốt cho việc tiêu hóa thức ăn  Tranh 7 Nên làm, rủa tay ngay sau khi đi vệ sinh sẽ tránh được nhiễm vi khuẩncó hại cho sức khỏe  Tranh 8: Không nên uống nước mía ở vệ sđường khi có ruồi bay đến đậu mà không có biện pháp loại bỏ hay ngăn chặn ruồi như vậy sẽ dễ bị nhiễm khuẩn từ ruồi bọ vào đồ uống ânh hưởng đến sức khỏe.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ2 | | |
| **3. Vận dụng.** | | | | |
| - GV yêu cầu từng cặp HS liên hệ thực tế bằng cách kể thêm những loại thức ăn và việc làm có lợi và không có lợi cho cơ quan tiêu hóa  - GV – lớp nhận xét tuyên dương  - GV yêu cầu HS ôn kĩ và viết các bộ phận của cơ quan tiêu hóa vào vở. | | | - HS thực hành theo cặp đôi.  -Đại diện một số cặp trình bày. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | | | |

.............................................................................

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI**

**CHỦ ĐỀ 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE**

**Bài 19: CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ CƠ QUAN TIÊU HÓA (T2)**

**I. YÊU CẦU** CẦN ĐẠT:

**1. Năng lực đặc thù: Sau khi học, học sinh sẽ:**

- Trình bày được một số việc cần làm hoặc cần tránh để giữ gìn bảo vệ các cơ quan tiêu hóa.

- Kể được tên một số thức ăn, đồ uống và hoạt động có hại đối với các cơ quan tiêu hóa và cách phòng tránh,

- Xây dựng và thực hiện được thời gian biểu phù hợp để có được thói quen học tập, vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi điều độ và ngủ đủ giấc

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết quan sát,Có biểu hiện chú ý học tập, phân tích , tự giác tìm hiểu bài để hoàn thành tốt nội dung tiết học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động học tập, trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm. Có khả năng trình bày, thuyết trình, đóng vai, xử lý tình huống… trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết chăm sóc sức khỏe của bản thân và những người trong gia đình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ học tập, luôn tự giác tìm hiểu bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc. Có trách nhiệm với tập thể khi tham gia hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- Tranh: ảnh về bảo vệ, chăm sóc cơ quan tiêu hóa .

- Giấy A4, B2 hoặc B3

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

-Giấy màu, bút vẽ hay băng dính 2 mặt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:** | | | | |
| + GV yêu cầu một số HS thi kể những việc làm có lợi và cách bảo vệ cơ quan tiêu hóa.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu bài: Chúng ta đã biết các bộ phận của cơ quan tiêu hóa, vậy chức năng của từng bộ phận đó như thế nào? Để đảm bảo cơ thể, cơ quan tiêu hóa luôn khỏe mạnh chúng ta cần biết việc nên làm hay không nên làm để bảo vệ cơ quan tiêu hóa  Liên hệ bvào bài học | | + HS nêu: ăn chín uống sôi, tránh ăn thức ăn oi thiu hay hoa quả, thức ăn chưa rủa sạch, không ăn thức ăn nhanh hay đồ uống có cồn và ga, quá nhiều đường…  - HS lắng nghe. | | |
| **2. Khám phá***:* | | | | |
| **Hoạt động 1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi(làm việc theo cặp)**  **-** GV hướng dẫn HS Chia sẻ về bữa ăn hàng ngày của em theo gợi ý sau.    - GV yêu cầu một HS đặt câu hỏi, một HS trả lời câu hỏi.  -Thời gian ăn mỗi bữa ăn là vào lúc nào, bo nhiêu lâu thì phù hợp?  + Tên thức ăn nên ăn trong mỗi bữa ăn đó?  + Để chăm sóc và bảo vệ cơ quan tiêu hóa em cần thay đổi những thói quan ăn uống nào?  - GV mời một số HS lên trình bày.  - GV mời các HS khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - Một HS đặt câu hỏi, một HS trả lời câu hỏi.  - HS lần lượt nói và ghi vào phiếu giấy khổ to để dán bảng, rồi ghi vở theo bảng mẫu khuyến khích trang trí cho bảng thật đẹp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Bữa ăn | Thời gian | Tên thức ăn đồ uống | | Sáng | 6-7 giờ | Cháo, hay: mì, bún, phở | | Trưa | 11-12 giờ | Cơm,thịt luộc, hay kho , xào…canh hay phở bún….hoa quả tráng miệng | | Tối | 18-19 giờ | Cơm canh các loại rau củ, thịt hay cá …hoa quả tráng miệng | | … | … | … |   Giải thích thời gian, thức ăn, đồ uống đó có lợi hay hại cho cơ quan tiêu hóa vì sao  - HS khác nhận xét. | | |
| **3.Thực hành:** | | | | |
| + GV chia nhóm và tổ chức trò chơi đóng vai xử lý tình huống “quả vừa hái xong chưa rửa ăn ngay?, Uống nước chưa đun sôi múc lên từ chum vại? ăn bánh mì đẫ bị mốc có màu và mụi lạ” Để tìm ra cách ăn uống vfa việc nên hay không nên làm để bảo vệ cơ quan tiêu hoa theo gợi ý như hình.    + GV gọi HS lên thể hiện trước lớp.  + GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện tốt sáng tạo. | -HS chơi theo nhóm  + Lần lượt vài nhóm HS lên đóng vai xử lý tình huống  + Hình 9 : khuyên bạn không nên ăn hoa quả khi chưa rửa sạch, dễ nhiễm khuẩn hay dính thuốc bảo vệ thực vật làm đau bụng ,ngộ độc thức ăn  Hình 10 : Khuyên bạn không nên uống nước ở chum vại chưa đun sôi, dễ đau bụng, tiêu chảy…mắc bệnh về đường tiêu hóa  Hình 11: Khuyên bạn k ăn thức ăn để lâu có màu mùi lạ bị ôi thiêu dễ mắc bệnh đường tiêu hóa…  - Các HS khác nhận xét. | | |
| **4. Vận dụng.** | | | | |
| - GV chia nhóm và yêu cầu HS nhớ lại việc ăn , uống của mình hàng ngày và nêu điều gì xảy ra nếu chúng ta thường xuyên không ăn sáng, ăn quá nhanh , ăn nhiều thức ăn cay nóng, chưa nấu kỹ hay khi ăn nhai không kỹ hay vừa ăn no lại chạy nhảy và hoạt động mạnh ngay  - GV mời một số HS lên nêu , nhận xét bạn và bổ sung.  - GV khen gợi HS tích cực và hoàn thành tốt, sáng tạo. | | | - gợi ý Ảnh hưởng đến sức khỏe và năng xuất công việc, có thể dễ bị dạ dạy- cơ quan tiêu hóa, dễ đau dạ dàyhay nhiễm bệnh về đường tiêu hóa | |
| \* Tổng kết:  - GV cho HS đọc thầm lời chốt của ông Mặt Trời và mời một số bạn lên nói lại chốt kiến thức.    - GV yêu cầu HS quan sát tranh và miêu tả hình ảnh bức tranh và lời thoại nhắc nhở em điều gì?( Không nên chạy nhảy ngay sau khi ăn no) | | | | |
| \*Đánh Giá:  1. Câu hỏi: Viết 5 loại thức ăn đồ uống, 5 việc làm có lợi cho cơ quan tiêu hóa  2.Gợi ý đánh giá:  Hoàn thành tốt :nếu viết đủ 5 đánh giá  HT nếu viết được 3 hay 4 đánh giá  Chưa hoàn hành nếu viết được 1 hay 2 đánh giá  - Hướng dẫn về nhà;  + GV yêu cầu HS suy nghĩ, tìm hiểu về việc: Tìm hiểu về cơ quan tuần hoàn để chuẩn bị cho bài học sau. | | | | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..................................................................................................................................  ..................................................................................................................................  .................................................................................................................................. | | | | |

**TUẦN 22**

**ĐẠO ĐỨC**

**CHỦ ĐỀ 6: KHÁM PHÁ BẢN THÂN**

**Bài 07: KHÁM PHÁ BẢN THÂN (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù: Sau bài học, học sinh sẽ:**

- Nêu được một số điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

- Nêu được vì sao cần biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

- Thực hiện một số cách đơn giản tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: điều chỉnh hành vi , phát triển bản thân,kĩ năng kiểm soát,nhận thức, quản lí bản thân,lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

-Rèn luyện để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu của bản thân

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Có biểu hiện yêu nước qua thái độ nghiêm túc rèn luyện bản thân góp phần xây dựng đất nước

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy, thơ ca bài hát về chủ đề khám phá bản thân.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV cho chơi trò chơi: “Đi tìm điểm mạnh của bản thân ” theo nhóm 4 hoặc 5 để khởi động bài học.  + GV gợi ý câu hỏi bạn nêu điểm mạnh của bản thân mình. Nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt.  - GV Kết luận, Ai cũng có điểm mạnh, chúng ta cần phát huy và nhân lên điểm mạnh của mình - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS nêu câu hỏi mình có điểm mạnh nào? Cho bạn trong nhóm trả lời  + HS trả lời theo hiểu biết của bản thân về bạn  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  **Tìm hiểu Sự cần thiết phải biết điểm mạnh và điểm yếu của bạn thân. (Hoạt động nhóm)** | |
| - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, quan sát tranh đọc tình huống và trả lời câu hỏi:  + Theo em nếu cứ nhút nhát Hà có biết được điểm mạnh của bản thân không? Vì sao?  + Vì sao Hòa luôn chăm chỉ tập thể dục và ăn uống đủ chất?  + Theo em vì sao cần phải biết điểm mạnh và điểm yếu của bản thân?  - GV mời các nhóm nhận xét.  - GV chốt nội dung, tuyên dương các nhóm. | - HS làm việc nhóm 4, cùng nhau đọc tình huống và thảo luận các câu hỏi và trả lời:  + Nếu mãi nhút nhát ,Hà sẽ không thể nào biết được điểm mạnh của mình, Nhờ sự động viên của Mai, sự giúp đỡ của cô giáo, sự cố gắng của bản thân Hà đã khám phá ra khả năng của bản thân mà bạn chưa từng biết mình có trước đó.  + Hòa dã tự nhận thức được mình có điểm yếu là thân hình nhỏ nhắn, gầy,Bạn đã lập kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch đó để khắc phục điểm yếu của bạn thân.  + Biết được điểm mạnh ,yếu của bản thân sẽ giúp em biết cách phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu đó. Biết rõ những khó khả năng, khó khăn của bản thân để đặt ra mực tiêu ohù hợp đồng thời còn giúp em giao tiếp, ứng xử tốt hơn với người khác.  + Điểm yếu có thể thay đổi được nếu chúng ta thực sự cốgắng.Mỗi người cần nhìn nhạn điểm yêu theo chiều hướng tích cực,thay đổi một điểm yéu sẽ khiến bản thân tự tin hơn, phát triển theo hướng tích cực hơn  + Mỗi người cần phất triển điểm mạnh của bản thân , khi phát triển điểm mạnh mỗi người sẽ thành công hơn.  - Các nhóm nhận xét nhóm bạn. |
| **3. Vận dụng.** | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng hình thức thi “trồng cây thành công”  + GV yêu cầu học sinh chia ra thành các nhóm (3-4 nhóm). Mỗi nhóm thực hành chia sẻ cây thành công của nhóm mình  + Gợi ý thành công có thể là: giải được bài toán khó, được cô khen bài làm tốt, giúp đỡ được 1 ai đó hay khắc phục được lỗi hay điểm yếu của mình  + Mời các thành viên trong lớp nhận xét trao giải cho nhóm có nhiều thành công nhất.  - Nhận xét, tuyên dương | - HS chia nhóm và tham gia thực hành nêu những thành tích và thành công trong học tập của mình và thành tích các hoạt động của bản thân đã làm cây thành công từ tiết 1  + Lần lượt các nhóm thực hành theo yêu cầu giáo viên.  + Các nhóm nhận xét bình chọn  - HS lắng nghe,rút kinh nghiệm |
| **4. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TUẦN 22**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ: ĂN UỐNG ĂN TOÀN, HỢP VỆ SINH**

**Sinh hoạt theo chủ đề: ĂN SẠCH.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

  - HS nhận biết được nguy cơ mất vệ sinh an cần thực phẩm trong gia đình, những tác động không tốt từ chế độ ăn uống không lành mạnh.

- Biết cách phát hiện, loại bỏ các thực phẩm không an toàn, luôn sử dụng thực phẩm sạch.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: bản thân tự tin về hình dáng của bản thân trước tập thể.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xây dựng cho mình hình ảnh đẹp trước bạn bè (sạch sẽ, gọn gàng, mặc lịch sự,…).

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về chăm sóc bản thân để có hình ảnh đẹp.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng bạn, yêu quý và cảm thông về hình ảnh cảu bạn..

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để xây dựnh hình ảnh bản thân trước tập thể.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng hình ảnh của bạn bè trong lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV mở bài hát "Chiếc bụng đói" để khởi động bài học.  - GV mời HS đứng dậy tại chỗ và hướng dẫn một vài động tác và phỏng việc ăn uống như xúc cơm ăn, lau và miệng xoa bụng hài hước để Hs làm theo.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Kết luận: Một chiếc bụng đói tất nhiên phải ăn, tuy nhiên, không phải đố ăn nào ăn cũng đi được, chúng ta cần lựa chọn những những đồ ăn vừa ngon vừa sạch sạch.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - Nhảy điệu thủy "Chiếc bụng đói"  - HS thực hiện theo động tác của GV.  - Lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:* | |
| **Hoạt động 1:**  Kể chuyện tương tác về các bạn thích ăn đồ ăn nhanh**( làm việc nhóm 4)**  -GV đặt câu hỏi để lựa chọn hai HS tham gia vào câu chuyện: Có bạn nào trong lớp ta thích đồ ăn nhanh?  - GV chọn hai bạn thích đồ ăn nhanh lên sắm vai hai nhân vật trong câu chuyện: Cậu bé "Hăm bơ gơ" và cô bé "Nước ngọt”    - GV mời 4-5 HS đưa ra những lí lẽ để thuyết phục các nhân vật trong câu chuyện suy nghĩ lại để chọn thói quen ăn uống lành mạnh hơn. (GV theo dõi để gợi ý hỗ trợ: gây béo phì, chất phụ gia,...)  -Nhóm khác bổ sung.  - GV nhận xét tuyên dương.  *Kết luận: Đồ ăn nhanh với hương vị hấp dẫn tới tương được nhiều người yêu thích. Tuy nhiên, nếu chúng ta ăn đồ ăn nhanh thi công xuyên sẽ ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ*.  - GV đưa ra 3 bức tranh hoặc 3 thẻ từ  - GV mời HS đưa ra ý kiến cho biết, trong 7 ngày (một tuần), minh nên ăn đồ ăn nhanh, ăn ở gia đình, ăn ở nhà hàng bao nhiêu ngày và vì sao? | - HS trả lời  - Hs lên sắm vai.  - HS đưa ra lý lẽ của mình:  Chúng ta không nên ăn đồ ăn nhanh vì:  - Không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: thức ăn nhanh thường được sản xuất trực tiếp trên đường phố, điều kiện và quá trình nấu nướng không hợp vệ sinh (sử dụng dầu chiên đi chiên lại nhiều lần, sử dụng phụ gia thực phẩm,...).  - Cung cấp nhiều chất béo và cholesterol cho cơ thể gây bệnh béo phì, máu nhiễm mỡ, ung thư,...  - Một số loại thức ăn nhanh như xúc xích, thịt xông khói,... chứa hàm lượng muối và chất bảo quản cao, dễ dẫn đến các bệnh về tim, thận, làm tăng huyết áp,...  - Sử dụng thức ăn nhanh nhiều còn có thể khiến chúng ta bị thiếu chất và mất cân đối về dinh dưỡng.  - Đại diện nhóm lên trình bày.  - Nhóm khác nhận xét câu trả lời của bạn.    - HStrả lời.  + Trong 7 ngày mình nên ăn đồ ăn nhanh 1- 2 lần trong tuần. Ăn nhà hàng 1 - 2 lần. Ăn bữa com gia đình hầu hết các ngày trong tuần. Vì ăn đồ ăn nhanh ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. |
| **3. Luyện tập***:* | |
| **Hoạt động 2. Mở rộng và tổng kết chủ đề.**  - Chơi trò chơi: Thám tử sạch.    - GV dẫn tắt trò chơi: Thám tử sạch  - GV đề nghị HS lớp lập thám tử để đi truy vết thực phẩm bẩn ở các địa điểm khác nhau.  - GV phổ biến luật chơi.  - Tiến hành cho HS chơi.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo việc làm của mình.  - Mời nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  *Kết luận: “Thực phẩm bẩn" luôn rất tinh ranh và nguy hiểm. Chúng có thể ẩn nấp ở bất kì đâu, vì vậy, trải chúng ta đều là một Thảm trả sau để phát hiện và loại bỏ chúng ở mọi nơi.* | - HS chia nhóm lập thám tử.  - Lắng nghe luật chơi  - Các nhóm thám tử truy vết và ghi ra giấy những thực phẩm không sạch.  - Các nhóm báo cáo.  - Nhóm khác bổ sung.  - Các HS nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng.** | |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Cùng người thân thực hiện: kiểm tra thực phẩm tại gia đình để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, loại bỏ những thức ăn hỏng, ôi thiu, quá hạn,...  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**TUẦN 22**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ: ĂN UỐNG ĂN TOÀN, HỢP VỆ SINH**

**Sinh hoạt cuối tuần chủ đề: THỰC PHẨM SẠCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết được nguy cơ mất vệ sinh an cần thực phẩm trong gia đình, những tác động không tốt từ chế độ ăn uống không lành mạnh.

- Biết cách phát hiện, loại bỏ các thực phẩm không an toàn, luôn sử dụng thực phẩm sạch.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: bản thân tự tin về hình dáng của bản thân trước tập thể.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xây dựng cho mình hình ảnh đẹp trước bạn bè (sạch sẽ, gọn gàng, mặc lịch sự,…).

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về chăm sóc bản thân để có hình ảnh đẹp.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng bạn, yêu quý và cảm thông về hình ảnh cảu bạn..

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để xây dựnh hình ảnh bản thân trước tập thể.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng hình ảnh của bạn bè trong lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức hát để khởi động bài học.  + Cho HS hát theo giai điệu bài hát “Bàn tay mẹ”  + Cơm con ăn và nước con uống từ đâu?  + Mẹ nấu ăn ở đâu?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe.  - Cơm con ăn từ tay mẹ nấu và nước con uống từ tay mẹ đun.  - Mẹ nấu ăn ở trong bếp |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần***:* | |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc nhóm 2)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  + Kết quả sinh hoạt nền nếp.  + Kết quả học tập.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **3. Sinh hoạt theo chủ đề***:* | |
| **Hoạt động 3. CHIA SẺ THU HOẠCH SAU TRẢI NGHIỆM (làm việc nhóm 2)**  GV mời HS chia sẻ với bạn ngồi cạnh về công việc mình đã thực hiện theo những yêu cầu sau:  + Em chọn công việc nào của Thám tử Sạch để thực hiện?  +Ai làm việc này cùng em?  + Có phát hiện được thực phẩm bẩn không? Đó là gì?  GV mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Kết luận: Với giác quan tinh nhạy của Thám tử Sạch, thực phẩm bẩn sẽ bị loại bỏ  **Hoạt động 4. Chia sẻ với bạn kinh nghiệm phát hiện thực phẩm không an toàn và lựa chọn thực phẩm sạch( hoạt động nhóm 4)**  - GV cho HS thảo luận tao đổi kih nghiệm **phát hiện thực phẩm không an toàn và lựa chọn thực phẩm sạch**  Gợi ý.  -Nêu những giác quan cần sử dụng để đánh giá thực phẩm an toàn hay không an toàn?  + Nêu những kiến thức em mới biết thêm về cách lựa chọn thực phẩm sạch.    - Chia sẻ cách bảo quản thực phẩm sao cho tươi ngon và an toàn.    - Các nhóm trình bày vào tờ giấy A1, viết vẽ, trang trí đẹp và treo lên các góc lớp  Kết luận: GV mời cả lớp củng đi đến các góc lớp để đọc và nhận xét các bí kíp mới được chia sẻ, GV để nghị HS lấy số, bút ghi lại những kinh nghiệm thú vị mà em chưa biết,  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - HS chia sẻ với bạn ngồi cạnh bàn về công việc mình đã thực hiện theo những yêu:  + Hs trả lời theo ý kiến của mình.  + Làm việc cùng bố, mẹ….  + Hs trả lời.  - Nhóm khác bổ sung.  - Các HS nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS thảo luận tao đổi kih nghiệm **phát hiện thực phẩm không an toàn và lựa chọn thực phẩm sạch**  + Những giác quan cần sử dụng để đánh giá thực phẩm an toàn hay không an toàn: thị giác, thính giác.  + Cách lựa chọn thực phẩm sạch:   |  |  | | --- | --- | | **Đô ăn** | **Đồ uống** | | Chọn hoa quả: tươi, không bị héo, dập nát. | Các đồ uống có lợi cho sức khoẻ: nước khoáng, sữa, sữa chua uống men sống,… | | Chọn thịt: có màu tươi, đàn hồi tốt, săn chắc, không có mùi và không bị nhão, chảy nước. | | Chọn rau: tươi, không bị héo, dập nát hay có lá vàng. | Các đồ uống nên hạn chế: nước ngọt, nước có ga,… | | Chọn đồ đóng sẵn: bao bì còn nguyên vẹn, ngày sản xuất mới và hạn sử dụng xa. |   - Cách bảo quản thực phẩm tươi ngon và an toàn:  + Để khoai tây không mọc mầm ta cần bỏ khoai tây vào túi bóng đen, thùng gỗ, hộp các tông,.. và để ở nơi thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.  + Để quả chanh tươi lâu, ta cần rửa sạch, để ráo, cho và túi zip kín và bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh.  + Sữa đã mở nắp, phải bảo quản ở ngăn mát tủ lạnh và trong khoảng thời gian 1-2 ngày kể từ khi mở nắp.  - Trưng bày góc lớp sản phẩm của mình.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng.** | |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Cùng với người thân thường xuyên chọn mua đồ ăn sạch, đồ uống lành cho gia đình, thảo luận với người thân về nhãn mác hàng hoá được bán trong siêu thị, ngoài chợ.  - Tìm hiểu thêm về cách bảo quản thực phẩm sao cho tươi ngon và an toàn.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

**Giáo dục an toàn giao thông**

**BÀI 3: ĐI BỘ TẠI NHỮNG NƠI ĐƯỜNG GIAO NHAU**

**I. Mục tiêu**

- Nhận biết được những hành vi đi bộ không an toàn tại nơi giao nhau.

- Biết cách đi bộ an toàn tại những nơi đường giao nhau

- Phòng tránh được những nguy hiểm có thể xảy ra khi đi bộ tại những nơi đường giao nhau

- Rèn tính cẩn thận, kĩ năng quan sát. Phát triển năng lực tham gia giao thông.

**II. Đồ dùng dạy học**

- Tranh minh hoạ.

**III.Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1. Ổn định tổ chức  2. Bài mới  a. Giới thiệu bài.  b. Nội dung.  \* Khởi động  **-** Cùng hátvận động theo một bài hát về đi bộ tại những nơi đường giao nhau.  \*Khám phá  1. Đi bộ an toàn tại những nơi đường giao nhau  - GV cho HS quan sát tranh và cho biết cách các bạn đi qua đường những nơi đường giao nhau?  - GV nhận xét  - GV cho HS quan sát tranh và cho biết cách các bạn đi qua nơi đường bộ giao nhau với đường sắt?  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV chốt kết luận  2. Nhận biết những hành vi đi bộ qua đường không an toàn tại nơi giao nhau.  - GV cho HS quan sát tranh  - GV hỏi: chỉ ra những hành vi qua đường không an toàn tại những nơi đường giao nhau?  - GV cho HS thảo luận nhóm 4  - GV gọi các nhóm nêu  - Nói lời khuyên với các bạn trong tranh?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV kết luận: Tại những nơi đường giao nhau, các em nên nhờ người lớn dắt qua đường. Không đùa nghịch khi qua đường.  \*Thực hành.  - Sắp xếp các bức tranh theo thứ tự các bước qua đường an toàn?  - GV nhận xét  \* Sắm vai, xử lí tình huống:  - GV đưa ra tình huống: Bi và Bốp chuẩn bị đi bộ qua chỗ đường giao với đường sắt thì rào chắn được hạ xuống. Nhìn thấy tàu hỏa còn khá xa mới tới, Bi nói với Bốp: “Mình chui qua rào chắn, sang đường luôn đi. Tàu hỏa còn lâu mới tới”.  - Nếu là Bốp em sẽ nói gì với Bi? Vì sao?  - GV nhận xét  \* Vận dụng:  - GV cho HS tham gia trò chơi: Đèn tín hiệu giao thông tại nơi đường giao nhau  GV nêu cách chơi:  + HS đóng vai những người tham gia giao thông.  + GV hoăc 1 HS đóng vai đèn tín hiệu giao thông  - Quy định : thẻ giơ cao quá đầu là tín hiệu đèn giao thông dành cho các phương tiện giao thông, thẻ giơ trước ngực là tín hiệu dành cho người đi bộ. Khi tín hiệu đèn báo hiệu màu nào thì HS di chuyển hoặc dừng theo đúng tín hiệu. Người nào sai sẽ ra ngoài 1 lượt  3. Củng cố dặn dò  - GV nhận xét tiết học  - Xem trước bài học sau | **-** HS lắng nghe  **-** HS hát theo nhịp  - HS quan sát tranh và trả lời:  + Tranh 1: Có đèn tín hiệu, vạch kẻ đường và hầm đường bộ.  + Tranh 2: không có đèn tín hiệu, vạch kẻ đường, cầu đường và hầm đi bộ.  - HS nhận xét  - HS quan sát tranh 3  - 1 HS trả lời: Tại nơi giao nhau có rào chắn.  + Tranh 4: tại nơi giao nhau không có rào chắn.  - HS nhận xét  - 3,4 HS đọc  - HS quan sát tranh  - HS thảo luận nhóm 4  - Đại diện nhóm nêu  + Nhóm 1: Tranh1: 3 em nhỏ qua đường không quan sát hai bên, xe máy phóng nhanh....  + Nhóm 2: tranh 2 xe máy vượt đèn đỏ ...  + Nhóm 3 tranh 3 các bạn nhỏ đùa nghịch khi sang đường....  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS quan sát sắp xếp tranh  Thứ tự sắp xếp: 1-3-4-2  - HS nhận xét  - 1 HS đọc, lớp theo dõi đọc thầm  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi  - HS lắng nghe |

**CHỦ ĐỀ 2: KĨ NĂNG PHÒNG TRÁNH TAI NẠN , TH­ƯƠNG TÍCH**

**(4 TIẾT )**

**BÀI 2: KĨ NĂNG PHÒNG TRÁNH TAI NẠN , TH­ƯƠNG TÍCH ( TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU**

- Học sinh nhận biết các hành vi nguy hiểm có thể xảy ra gây tai nạn thư­ơng tích cho mình và những ng­ười xung quanh.

- Biết từ chối và khuyên các bạn không tham gia các hành vi gây tai nạn thư­ơng tích.

- Học sinh rèn kĩ năng giao tiếp thông qua các hoạt động

**II.** **PH­ƯƠNG TIỆN DẠY VÀ HỌC**

- Bài tập thực hành kĩ năng sống

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**.- Giới thiệu môn học

**2. Kiểm tra bài cũ**.- Kiểm tra sách của học sinh

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY | HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ |
| ***a: Giới thiệu bài***  ***b; Dạy bài mới***  *Hoạt động 1*: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi  - GV treo tranh ,yêu cầu HS quan sát  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm để nêu điều nguy hiểm có thể xảy ra ở từng tranh  Tranh 1: Trèo cây cao để hái quả ( bắt tổ chim).  Tranh 2: Trèo lên cột điện để lấy diều bị mắc trên dây điện.  Tranh 3: Vừa tắm vừa đùa nghịch ở hồ n­ớc lớn.  Tranh 4: Ngồi trên xe khách thò đầu, thò tay ra ngoài .  - Gọi học sinh nhận xét  - GV kết luận tranh  Hoạt động 2: Xử lí tình huống  - Gv nêu yêu cầu: Nếu em chứng kiến việc làm của các bạn trong từng tình huống trên em sẽ khuyên các bạn nh­ư thế nào?  - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi  - Gọi đại diện các nhó nêu ý kiến  - HS nhận xét  - Giáo viên đ­a giải pháp đúng cho từng tranh  **4: Củng cố:** Nêu lại các tình huống nguy hiểm ở các tranh.  **5:Dặn dò:** Thực hiện theo lời khuyên ở hoạt động 2 | - Quan sát tranh  - Thảo luận nhóm 3  -Trình bày kết quả thảo luận  T1: Ngã từ trên cây xuống  - T2: Bị điện giật (ngã từ trên cột điện xuống).  -T3: Bị chết đuối  - T4:Gây tai nạn giao thông cho bản thân và ng­ười đi đ­ường.  - Thảo luận nhóm đôi  - Nêu ý kiến  TH1: Không nên trèo cây cao hái quả.  Th2: Không đ­ược trèo lên cột điện vì có thể bị điện giật hoặc ngã.  TH3: Không nên tắm ở ao khi không có ngư­ời lớn đi cùng.  TH4: Khi ngồi trên xe khách cần ngồi yên không đ­ược nô nghịch. |